

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:



Đối tượng đăng ký: **Giảng viên** ; Giảng viên thỉnh giảng
Ngành: **Xây dựng**; Chuyên ngành: **Kỹ thuật xây dựng**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

- Họ và tên người đăng ký: **MAI SỸ HÙNG**
- Ngày tháng năm sinh: 10/10/1971; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;
Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.
- Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:
- Quê quán: Xã Diễn an, huyện Diễn châu, tỉnh Nghệ An
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Căn hộ 4022 Chung cư CT12C, Khu đô thị Kim văn kim lũ, phường Đại Kim, quận Hoàng mai, TP Hà Nội.
- Địa chỉ liên hệ:
Mai Sỹ Hùng, Bộ môn Xây dựng thủy lợi-Thủy điện, Khoa Công trình thủy, Phòng 115, Nhà A1, Trường Đại học Xây dựng Hà Nội – Số 55, đường Giải Phóng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
Điện thoại nhà riêng: 0866603008; Điện thoại di động: 09 13559282;
E-mail: hungms@huce.edu.vn
- Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Từ tháng 09 năm 1997 đến tháng 06 năm 2000: Giảng viên tập sự, Bộ môn Xây dựng thủy lợi-Thủy điện, Khoa Xây dựng Công trình thủy, Trường Đại học Xây dựng Hà Nội.

- Từ tháng 07 năm 2000 đến tháng 7 năm 2010 : Giảng viên, Bộ môn Xây dựng thủy lợi-Thủy điện, Khoa Xây dựng Công trình thủy, Trường Đại học Xây dựng

- Từ tháng 08 năm 2010 đến tháng 01 năm 2018 : Nghiên cứu sinh, chuyên ngành Quản lý dự án, viện Kinh tế và Quản lý, Trường Đại học giao thông Tây nam, Trung quốc.

- Từ tháng 02 năm 2018 đến nay : Giảng viên, Bộ môn Xây dựng thủy lợi-Thủy điện, Khoa Xây dựng Công trình thủy, Trường Đại học Xây dựng Hà nội.

- Chức vụ hiện nay: Phó Trưởng khoa Xây dựng Công trình thủy; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng khoa.

- Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Xây dựng thủy lợi-Thủy điện, Khoa Xây dựng Công trình thủy, Trường Đại học Xây dựng Hà nội.

- Địa chỉ cơ quan: Số 55, đường Giải Phóng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

- Điện thoại cơ quan: 024 38 691 828

- Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm: Chưa.

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): -

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): -

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 20 tháng 06 năm 1997; số văn bằng: B 45154; ngành: Xây dựng Công trình trên sông-nhà máy thủy điện; Nơi cấp bằng Đại học: Trường Đại học Xây dựng Hà nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng Thạc sỹ ngày 17 tháng 09 năm 2003; số văn bằng: 0069 - 003532; ngành: kỹ thuật xây dựng công trình thủy; Nơi cấp bằng Thạc sỹ: Trường Đại học Xây dựng Hà nội.

- Được cấp bằng Tiến sỹ ngày 20 tháng 06 năm 2018; số văn bằng: 1061322018000086; ngành: Quản lý; chuyên ngành: Quản lý dự án; Nơi cấp bằng Tiến sỹ: Trường Đại học giao thông Tây nam, Trung quốc.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh Phó giáo sư: Chưa.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Phó Giáo sư** tại HĐGS cơ sở:

Trường Đại học Xây dựng Hà Nội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành:

Xây dựng – Kiến trúc

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Hướng nghiên cứu 1: Nghiên cứu rủi ro trong lĩnh vực xây dựng và phòng chống thiên tai.
- Hướng nghiên cứu 2: Nghiên cứu kết cấu trong công trình xây dựng.
- Hướng nghiên cứu 3: Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong tính toán kết cấu công trình

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đang hướng dẫn **01 Nghiên cứu sinh** thực hiện đề tài luận án Tiến sỹ;
- Đã hướng dẫn **10 học viên cao học** bảo vệ thành công luận văn Thạc sỹ;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: **02** Đề tài cấp Trường với vai trò **Chủ nhiệm đề tài**.
- Đã công bố **29** bài báo khoa học, trong đó có **11** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín ISI/Scopus (**07** bài là tác giả chính), **1** bài báo khoa học thuộc danh mục ACI, **16** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế nước ngoài; **01** bài báo khoa học tại các hội thảo quốc tế uy tín có chỉ số ISBN, **13** bài tạp chí trong nước.
- Số lượng sách đã xuất bản **01**, trong đó 01 sách thuộc nhà xuất bản uy tín.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2022 theo Quyết định số 3594/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục đào tạo ký ngày 08/11/2022.
- Chiến sỹ thi đua cấp bộ năm 2022 theo Quyết định số 3105/QĐ- BGDĐT của Bộ Giáo dục đào tạo ký ngày 20/10/2022.
- Chiến sỹ thi đua cấp trường năm 2019-2020 theo Quyết định số 1168/QĐ- ĐHXD của Trường Đại học Xây dựng ký ngày 5/10/2020.
- Chiến sỹ thi đua cấp trường năm 2020-2021 theo Quyết định số 904/QĐ- ĐHXDHN của Trường Đại học Xây dựng Hà nội ký ngày 30/09/2021.
- Chiến sỹ thi đua cấp trường năm 2021-2022 theo Quyết định số 946/QĐ- ĐHXDHN của Trường Đại học Xây dựng Hà nội ký ngày 29/08/2022.
- Chiến sỹ thi đua cấp trường năm 2022-2023 theo Quyết định số .../QĐ- ĐHXDHN của Trường Đại học Xây dựng Hà nội ký ngày .../.../2023.
- Giấy khen Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2019 theo Quyết định số 449-QĐ/ĐUXD của Đảng Ủy trường Đại học xây dựng Hà nội ký ngày 16/12/2019
- Giấy khen Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2020 theo Quyết định số 10 - QĐ/ĐUXD của Đảng Ủy trường Đại học xây dựng Hà nội ký ngày 15/12/2020.
- Giấy khen Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2021 theo Quyết định số 20-QĐ/ĐU của Đảng Ủy trường Đại học xây dựng Hà nội ký ngày 14/12/2021.
- Giấy khen Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2022 theo Quyết định số 60-QĐ/ĐU của Đảng Ủy trường Đại học xây dựng Hà nội ký ngày 14/12/2022.
- Giấy khen Đảng viên đã có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong thực hiện nhiệm vụ được giao năm 2021, 2022 theo Quyết định số 2093-QĐ/ĐUK của Đảng bộ khối các trường đại học, Cao đẳng Hà nội ký ngày 30/12/2022.

- Giấy khen Đảng viên đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” 5 năm liền (2019-2023) ký ngày 11/1/2024 của Đảng bộ khối các trường đại học, Cao đẳng Hà nội.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Theo tiêu chuẩn:

- Có phẩm chất đạo đức, tư tưởng tốt;
- Có chuyên môn được đào tạo phù hợp;
- Có lý lịch bản thân rõ ràng;
- Có sức khỏe đảm bảo yêu cầu nghề nghiệp.

Theo nhiệm vụ:

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của nhà giáo về đào tạo và nghiên cứu khoa học;
- Thực hiện tốt quy định của pháp luật và quy chế làm việc của nhà trường;
- Không ngừng rèn luyện trình độ chuyên môn, phương pháp giảng dạy và nghiên cứu;
- Tham gia giảng dạy chuyên môn bằng ngoại ngữ tiếng Anh.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng thời gian công tác tại trường Đại học Xây dựng Hà nội: 26 năm 10 tháng (từ 01/9/2007 đến 30/6/2024).

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 18 năm 2 tháng, trong đó không kể thời gian làm nghiên cứu sinh tiến sĩ tại Trung quốc (8/2010 – 2/2018).

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2006-2007	-	-	-	17	249.5	-	249.5/523.5/311*
2	2007-2008	-	-	-	18	252.5	-	252.5/533/311
3	2008-2009	-	-	-	12	233	-	233/437/311
03 năm học cuối								
7	2021-2022	-	-	3	2	15	81	96/255/189**
8	2022-2023	-	1	4	1	36	83.1	119.1/303.85/216
9	2023-2024	-	1	1	-	162.99	18.2	181.19/272.61/216

(*) Giờ định mức theo qui định về chế độ làm việc, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của trường đại học xây dựng, ban hành theo QĐ số 325/QĐ-TCCB ký ngày 29/06/2006.

- Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

(**) Giờ định mức theo qui định về Chế độ làm việc của giảng viên (Ban hành kèm theo Quyết định số 1105/QĐ-ĐHXD ngày 11 tháng 9 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; (Ghi chú: Bảng trên ghi rõ số giờ định mức cho giảng viên cơ hữu theo quy định của cơ sở giáo dục đại học).

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Trung quốc.

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học tiếng Trung quốc ; tại nước: Trung quốc. Từ tháng 9/2010 đến tháng 7/2011

- Bảo vệ luận án TS ; tại nước: Trung quốc, năm 2018.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: -

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

Môn học: Duy tu và bảo dưỡng công trình thủy.

Môn học: Đánh giá rủi ro lũ lụt và phòng chống thiên tai.

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

Trường Đại học Xây dựng Hà Nội, Việt Nam, cho Sinh viên ngành KSCT- Ban QL &DT kỹ sư chất lượng cao, trường Đại học Xây dựng Hà Nội.

d) Đối tượng khác

3.2. Tiếng Trung quốc, tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

- Chứng chỉ tiếng Trung quốc HSK 5 (Tiếng Hán), do ban tiếng Hán của trung quốc cấp năm 2012 (Mã số chứng chỉ tiếng Hán: H51204899560000005-03724)

- Học các môn học bắt buộc để đủ điều kiện làm Nghiên cứu sinh tại Trung quốc (19 học phần).

- Viết luận văn Tiến sỹ bằng tiếng Anh, bảo vệ và nhận bằng Tiến sỹ tại Đại học Giao thông Tây Nam, Trung quốc.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Minh Thành		x	x		8/2020 - 4/2021	Trường Đại học Xây dựng	12/04/2021
2	Trần Văn Quảng		x	x		1/2021 - 6/2021	Trường Đại học Xây dựng Hà nội	13/07/2021
3	Hoàng Việt		x	x		5/2021 - 12/2021	Trường Đại học Xây dựng Hà nội	19/01/2022
4	Ngô Thuyết Trình		x	x		5/2021 - 12/2021	Trường Đại học Xây dựng Hà nội	19/01/2022
5	Nguyễn Văn Hiệp		x	x		5/2021 - 12/2021	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	19/01/2022
6	Mixay Souvannachit		x	x		3/2022 - 9/2022	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	04/10/2022
7	Nguyễn Đức Quảng		x	x		8/2022 - 1/2023	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	17/01/2023
8	Nguyễn Quang Huy		x	x		8/2022 - 1/2023	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	17/01/2023
9	Nguyễn Sơn Tùng		x	x		8/2022 - 4/2023	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	31/05/2023
10	Đỗ Khắc Thức		x	x		10/2023 - 4/2024	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	10/05/2024

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
1	-	-	-	-	-	-	-
II	Sau khi được công nhận TS						

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
1	Kinh tế tài chính dự án Điện tái tạo	GT	NXB Xây dựng, 2022	3	Tham gia	Chương V và chương VI (từ trang 121 đến trang 163) trên tổng số 211 trang	Quyết định xuất bản số 79-2022/QĐ-XBXD ngày 20/5/2022. Nộp lưu chiểu quý IV năm 2022. ISBN: 978-604-82-6530-4

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
Sau khi được công nhận TS					
1	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong việc dự đoán khả năng chịu lực dọc trục của cột thép nhồi bê tông	CN	33-2019/KHXD-TĐ(trọng điểm) Cấp Trường	1/2019-12/2021	16/12/2021 Tốt
2	Giám sát và quản lý rủi ro vận hành các dự án thủy điện vừa và nhỏ ở Việt nam	CN	35-2022/KHXD Cấp Trường	3/2022-4/2023	28/03/2023 Tốt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký; TVC: Thành viên chính; TV: Thành viên.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I Trước khi được công nhận TS								
1	Risk evaluation and control of EPC hydropower construction project in Vietnam	3	x	International Conference on Civil, Transportation and Environment (ICCTE 2016). ISBN: 9781510823822		2	1, 206 - 215	1, 2016

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
2	影响越南EPC水电施工进度延期的设计风险研究	2	x	中外企业家 ISSN: 1000-8772			2, 246– 248	02, 2016
3	Procurement Risk Evaluation and Control of EPC Hydropower Construction Project in Viet nam	2	x	GAK Gummi Fasern Kunststoffe ISSN: 0176-1625	Scopus (IF= 0.102, Q4)		69, 2148- 2158	1, 2016
4	Research on delay risks of EPC hydropower construction projects in Vietnam	2	x	Journal of Power and Energy Engineering ISSN : 2327-5901		21	4, 9-16	4, 2016
5	Research on quality risk of EPC hydropower projects in Vietnam	2	x	World Journal of Engineering and Technology ISSN: 2331-4249		9	5, 299- 308	5, 2017
6	Research on Delay Risks Identification and Control in the Construction Progress of EPC Hydropower Projects in Vietnam	3	x	Boletín Técnico ISSN: 0376-723X	Scopus (IF= 0.101, Q4)		55, 610 - 623	11, 2017
II	Sau khi được công nhận TS							
7	Evaluating and classifying the impact of individual risk on the delayed EPC hydropower projects in the developing countries of Asia	6	x	International Journal of Risk Assessment and Management ISSN:1741-5241	Scopus (IF= 0.147, Q4)	2	22, 170-194	7, 2019
8	Prediction of Flash Flood Susceptibility of Hilly Terrain Using Deep Neural Network:	10		Computer Modeling in Engineering & Sciences	SCI (IF= 2.2, Q3)	1	135(3), 2219- 2241	11, 2022

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	A Case Study of Vietnam			ISSN: 15261492, 15261506				
9	A hybrid model for predicting the axial compression capacity of square concrete-filled steel tubular columns	5	x	Engineering with Computers ISSN: 14355663, 01770667	SCIE (IF= 8.047, Q1)	56	38, 1205-1222	7, 2020
10	A cluster-based data splitting method for small sample and class imbalance problems in impact damage classification	4		Applied Soft Computing ISSN:15684946	SCIE (IF= 9.028, Q1)	20	120, 1-17	5, 2022
11	Flood risk mapping and analysis using an integrated framework of machine learning models and analytic hierarchy process	6		Risk Analysis ISSN: 0272-4332; 1539-6924	SCI (IF= 4.302, Q2)	8		9, 2022
12	Patch loading resistance prediction of steel plate girders using a deep artificial neural network and an interior-point algorithm	5	x	Steel and Composite Structures ISSN:12299367	SCI (IF= 4.55, Q1)	12	45, 159	1, 2022
13	A machine learning approach in spatial predicting of landslides and flash flood susceptible zones for a road network	8		Modeling Earth Systems and Environment ISSN: 23636203, 23636211	SCI (IF= 3.899, Q2)	12	8, 4341-4357	4, 2022
14	Tối ưu đa mục tiêu giàn thép phi tuyến có biến thiết kế liên tục	1	x	Tạp chí KHCN xây dựng ISSN: 1859-1566			4, 18-24	12, 2022

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	bảng thuật toán NSGA-II							
15	Ứng dụng thuật toán học máy LightGBM cho bài toán hồi quy ước lượng khả năng chịu tải của giàn thép sử dụng phân tích trực tiếp	1	x	Tạp chí xây dựng ISSN: 2734-9888			1, 110-113	4, 2023
16	Tối ưu giàn thép phi tuyến xét đến độ tin cậy sử dụng kết hợp thuật toán LPSS-EIS và tiến hóa vi phân cải tiến	1	x	Tạp chí xây dựng ISSN: 2734-9888			1, 146-149	3, 2023
17	Ứng dụng thuật toán LPSS-EIS trong tính toán xác suất hư hỏng của kết cấu giàn thép sử dụng phân tích trực tiếp	1	x	Tạp chí xây dựng ISSN: 2734-9888			2, 80-83	2, 2023
18	Nghiên cứu, đánh giá và kiểm soát rủi ro khi thực hiện xây dựng các công trình nhà dân dụng sử dụng vốn ngân sách trên địa bàn tỉnh Sơn La	1	x	Tạp chí Vật liệu & Xây dựng ISSN 1859-381X			3, 60-66	6, 2023
19	Tối ưu đa mục tiêu giàn thép với biến thiết kế rời rạc sử dụng phân tích trực tiếp	1	x	Tạp chí Vật liệu & Xây dựng ISSN 1859-381X			13(1) 64-67	2, 2023
20	Nghiên cứu bài toán tối ưu đa mục tiêu khung thép sử dụng phân tích trực tiếp	1	x	Tạp chí xây dựng ISSN: 2734-9888			1, 86-89	5, 2023

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
21	Mô phỏng số khung thép không gian chịu lửa đều	3	x	Tạp chí Khoa học Công nghệ Xây dựng, ĐHXDHN. ISSN: 2734-9489			17 (2V): 61-77	5, 2023
22	Thiết kế tối ưu giàn thép chịu tải trọng động đất sử dụng phân tích trực tiếp	1	x	Tạp chí xây dựng ISSN: 2734-9888			1, 116-119	6, 2023
23	Research on Anti-Separation and Anti-Overturning of concrete block structures of spillway with a protruding head during construction	1	x	Journal of Science and Technology in Civil Engineering, HUCE ISSN: 1859-2996	ACI		17 (2): 182-194	6, 2023
24	Giám sát và quản lý rủi ro vận hành các dự án thủy điện vừa và nhỏ ở Việt Nam	1	x	Tạp chí Vật liệu & Xây dựng ISSN 1859-381X			13(2), 63-69	4, 2023
25	Urban flood risk assessment using Sentinel-1 on the google earth engine: A case study in Thai Nguyen city, Vietnam	5	x	Remote Sensing Applications: Society and Environment ISSN: 2352-9385	SCI (IF= 5.07, Q1)	5	31, 100987	5, 2023
26	Stochastic nonlinear inelastic analysis for steel frame structure using Monte Carlo sampling"	3	x	Ain Shams Engineering Journal. ISSN: 2090-4495	SCI, (IF= 6.00, Q1)	1	14(11), 102527	11, 2023
27	Ứng dụng cọc xi măng đất (CDM) kết hợp với lưới địa kỹ thuật để gia cố mái dốc đất đắp trên nền đất yếu để	1	x	Tạp chí xây dựng, ISSN: 2734-9888			1(2), 111-113	2, 2024

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	giảm thiểu rủi ro trượt lở đất							
28	Một số giải pháp ứng phó sửa chữa kịp thời đê biển loại gia cố bờ bị hư hỏng trong mưa bão ở Việt Nam	1	x	Tạp chí Vật liệu & Xây dựng ISSN 1859-381X			14, 65-68	2, 2024
29	Ứng dụng bê tông đầm lăn làm đê biển	1	x	Tạp chí Vật liệu & Xây dựng ISSN 1859-381X			14(02), 158-162	4, 2024

- Trong đó: Số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà ứng viên là tác giả chính công bố sau Tiến sỹ: **05** bài báo, số thứ tự 7, 9, 12, 25, 26.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1	-	-	-	-	-

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: Không.

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1	-	-	-	-	-

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS: Không.

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú

1	Đề án chuyển đổi mô hình đào tạo	Tham gia	Quyết định số 453/QĐ-ĐHXDHN ngày 29/4/2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Xây dựng Hà Nội	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	-	Tiểu ban Kỹ thuật Xây dựng Công trình thủy và Logistics
2	Thẩm định chương trình đào tạo Đại học	Tham gia	Quyết định số 922/QĐ-ĐHXDHN ngày 22/8/2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Xây dựng Hà Nội	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội		Ngành Xây dựng Công trình thủy và công trình năng lượng
3	Xây dựng chương trình đào tạo trình độ Đại học-Ngành Quản lý dự án	Tham gia	Theo Quyết định số 292/QĐ-ĐHXDHN ngày 22/8/2022 về việc thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo trình độ đại học-ngành Quản lý Dự án	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội		Ngành Quản lý dự án
4	Triển khai nghiên cứu khoa học và công nghệ	Trưởng nhóm nghiên cứu “Công trình thủy & Công trình năng lượng”	Quyết định số 152/QĐ-ĐHXDHN ngày 22/02/2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Xây dựng Hà Nội	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội		Thành lập các nhóm nghiên cứu, nghiên cứu mạnh của trường Đại học Xây dựng Hà Nội

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): *Không*

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): *Không*.

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): *Không*.

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): *Không*.

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:
không

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH đã có Quyết định cấp bằng ThS (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH được cấp bằng ThS bị thiếu: *Không*.

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu: *không*

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: *Không*.

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: -

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: *Không*.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2024
NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Mai Sỹ Hùng